

Số: 16/2025/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 22 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 65/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Lê Duy T, sinh năm 1997;

HKTT/Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1997;

HKTT: Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên;

Nơi ở hiện nay: Thôn Q, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Con chung của anh T và chị T1):*

Cháu Lê Anh H, sinh ngày 16/6/2023;

Người đại diện theo pháp luật của cháu H : Anh Lê Duy T và chị Nguyễn Thị T1 - Là bố, mẹ đẻ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Lê Duy T và chị Nguyễn Thị T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND Tổng Phan (Nay là xã Q) ngày 04/5/2022. Anh T và chị T1 chung sống đến sau tết nguyên đán năm 2023 thì vợ chồng sống ly thân, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng ngày càng bộc lộ tính nết, quan điểm bất đồng; hai bên không tìm được tiếng nói chung trong công việc, trong cách ứng xử cũng như trong

cuộc sống gia đình. Nay anh T và chị T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không muốn về đoàn tụ và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh T, chị T1 là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh T và chị T1.

[2] Về con chung: Anh T và chị T1 đều khẳng định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Anh H, sinh ngày 16/6/2023, hiện đang do chị T1 nuôi dưỡng.

Vợ chồng ly hôn, anh T và chị T1 thỏa thuận: Giao con chung cho chị Nguyễn Thị T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh Lê Duy T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000 đồng/1 tháng, tính từ tháng 8/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được cản trở.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của anh T và chị T1 là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên và theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung, ruộng canh tác: Anh T và chị T1 đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Anh T và chị T1 thống nhất để anh T nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Duy T và chị Nguyễn Thị T1 tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 con chung là Lê Anh H, sinh ngày 16/6/2023, hiện đang ở với chị T1. Anh T và chị T1 thỏa thuận:

- + Giao cho chị T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Anh H, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- + Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho chị T1 là 3.000.000 đồng/01 tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2025 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- + Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh T không thi hành đúng nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định này

thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

Vì quyền lợi của con chung, anh T, chị T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung, ruộng canh tác: Anh T và chị T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh T và chị T1 thỏa thuận: Anh T chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 000433 ngày 06/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND Khu vực 1-Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Quang Hưng (ĐKKH số 20, ngày 04/5/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thương